

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HS-ST
Ngày: 30-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Bá Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Tòng – Ông Dương Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Võ Tấn Lợi- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/HSST-QĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1982; Nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Tr; nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Tr; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1960 và bà Lương Thị S, sinh năm 1960; chồng là Nguyễn Văn Khuya Nh, sinh năm 1980, có 02 (hai) người con lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2010. Anh chị em ruột có 04 người (kể cả bị cáo), lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án: không, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19-3-2020 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Chị Trần Thị H, sinh năm 1976. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Th, xã L, huyện D, tỉnh Tr.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Đặng Văn Ch là Trưởng Văn phòng luật sự Đặng Văn Chung thuộc đoàn luật sự tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Khuya Nh sinh năm 1980. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Tr.

Người làm chứng:

1. Ông Trần Hoàng Ph sinh năm 1968. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Tr.
2. Chị Nguyễn Thị D sinh năm 1973. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Tr.
3. Anh Nguyễn Hà Thanh T sinh năm 2001. (Có mặt)
Nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Tr.
4. Anh Phước Khánh D sinh năm 2001. (Có mặt)
Nơi cư trú: Ấp B, xã Th, huyện Tr, tỉnh Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 06/01/2020, bị cáo Nguyễn Thị Kiều T mua một cây kéo bằng kim loại và đi về quây bán thịt gia súc của mình. Khi nhìn thấy bị hại chị Trần Thị H, sinh năm 1976, nơi cư trú ấp Th, xã L, huyện D, tỉnh Tr đang đứng mua rau cải tại khu vực bán rau cải chợ xã L. Bị cáo T cho rằng chị H có quan hệ tình cảm yêu đương nam nữ với anh Nh và biết được anh Nh cho chị H mượn số tiền 300.000.000đ nhưng chưa lấy lại được nên T tức giận đi đến chỗ chị H đang đứng. Lúc này, bị cáo T đứng sau lưng rồi hỏi chị H thiếu tiền chồng của bị cáo sao không trả. Nghe vậy, chị H quay người lại đối diện với T rồi xảy ra xô xát với nhau. Trong lúc xô xát, tay trái của bị cáo T nắm lấy tóc của chị H, chị H dùng tay phải nắm lấy tóc của T. Bị cáo T cầm cây kéo bằng kim loại trên tay phải đâm về phía chị H nhưng không trúng thì được anh Trần Hoàng Ph, sinh năm 1968, nơi cư trú ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Tr can ngăn và mở lấy cây kéo T đang cầm trên tay nhưng không được. T và chị H vẫn còn xô xát nắm tóc lẫn nhau. Lúc này, anh Nguyễn Hà Thanh T, sinh năm 2001, nơi cư trú ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Tr và anh Phước Khánh D, sinh năm 2001, nơi cư trú ấp B, xã Th, huyện Tr, tỉnh Tr là người làm thuê cho bị cáo T thấy việc T và chị H xô xát nên chạy đến can ngăn. Tiếp đó, anh D nắm vai kéo chị H ra, còn anh Toàn kéo T ra nhưng không được. Do thấy chị H dùng tay nắm lấy tóc của T nên anh Toàn dùng tay mở tay chị H đang nắm tóc của T ra rồi kéo tay chị H ra phía sau, còn anh Duy nắm vai của chị H kéo ra. Khi anh Toàn và anh Duy nắm tay, vai của chị H vừa kéo ra thì bị cáo T đứng một mình tay phải cầm cây kéo đưa từ dưới lên rồi tiếp tục dùng cây kéo đánh vào vùng trán của chị H gây thương tích, T tiếp tục chạy ra sau lưng dùng kéo cắt tóc của chị H. Sau đó, T bỏ ra về, còn chị H được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh điều trị vết thương đến ngày 08/01/2020, chị H xuất viện.

Ngày 17/01/2020, chị Trần Thị H làm đơn yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích và yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người đã thực hiện hành vi gây thương tích và làm nhục chị H.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 12/20/TgT ngày 11/02/2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Trà Vinh kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của chị Trần Thị H là 01%. Cơ chế hình thành vết thương trên người chị Trần Thị H là do ngoại lực tác

động trực tiếp; vật gây ra thương tích trên là vật cứng có cạnh sắc nhọn; hướng từ dưới lên trên, từ ngoài vào trong.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 2155/C09B ngày 24/4/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của chị Trần Thị H là 01%. Vết thương vùng chân tóc trán phải của chị Trần Thị H do vật tày có cạnh, vật có cạnh sắc tác động gây ra; hướng từ trước ra sau.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Duyên Hải quản lý 01 cây kéo lưỡi bằng kim loại, mũi nhọn, chiều dài cây kéo 25cm, trong đó lưỡi kéo dài 13cm, cán kéo bên trái có chữ “kéo thép”, “kim long”, cán kéo bên phải có chữ “kéo thép 100%”, “cơ sở Tông Oanh màu cam”, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Thị Kiều T đã bồi thường xong theo yêu cầu của chị Trần Thị H với các khoản chi phí điều trị vết thương, tiền ngày công lao động của người bị hại và người chăm sóc người bị hại trong thời gian điều trị vết thương với tổng số tiền 24.457.000đ. Tại phiên Tòa hôm nay, chị Trần Thị H yêu cầu Nguyễn Thị Kiều T bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền 74.500.000đ.

Tại bản án hình sự số 08/2020/HS-ST ngày 23-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải đã xử: Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị Kiều T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Ngoài ra còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Tại bản án hình sự số 38/2020/HS-PT ngày 14-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã xử: Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HS-ST ngày 23/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh vì chưa được điều tra làm rõ, chưa giải quyết hết những vấn đề có liên quan đến vụ án. Chuyển hồ sơ vụ án về cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để điều tra, truy tố, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kiều T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kiều T về tội cố ý gây thương tích và sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội, các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo bồi thường 10 tháng lương cơ bản cho bị hại, bị cáo chịu phí hình sự sơ thẩm và án phí

dân sự sơ thẩm. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại cho rằng trong vụ án có đồng phạm và xâu chuỗi các sự kiện cho thấy không có sự can ngăn của Khánh Duy, Toàn mà hành vi này thể hiện vai trò giúp sức cho bị cáo gây án. Về trách nhiệm dân sự đề nghị hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Kiều T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng đã mô tả, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 09 giờ ngày 06/01/2020, Nguyễn Thị Kiều T dùng cây kéo đánh 01 cái trúng vào vùng trán của chị Trần Thị H. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của chị Trần Thị H là 01%. Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Kiều T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên Tòa hôm nay hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng nên các quyết của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, người bào chữa đều hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận khắc phục hậu quả giữa bị cáo Nguyễn Thị Kiều T và bị hại Trần Thị H với các khoản chi phí điều trị vết thương, tiền ngày công lao động của người bị hại và người chăm sóc người bị hại trong thời gian điều trị vết thương với tổng số tiền 24.457.000đ và bị hại Trần Thị H đồng ý nhận số tiền này xong không còn yêu cầu nữa. Tại phiên Tòa hôm nay, chị Trần Thị H yêu cầu Nguyễn Thị Kiều T phải bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền 74.500.000đ nhưng bị cáo không đồng ý bồi thường. Tại phiên tòa vị đại diện viện kiểm sát phân tích tổn thất tinh thần cho bị hại và đề xuất mức bồi thường là 10 tháng lương cơ bản bằng 14.900.000 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe là vốn quý của con người được pháp luật bảo vệ mà còn tỏ ra xem thường pháp luật. Tại kết luận điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát đã thể hiện rõ vì bị cáo cho rằng bị hại có quan hệ tình cảm với chồng của bị cáo và mượn tiền không trả nên bị cáo dùng kéo gây thương tích cho bị hại làm xôn xao dư luận, phức tạp tình hình an ninh trật tự địa phương. Trong xã hội hiện nay việc bảo vệ sức khỏe con người là vấn đề xã hội quan tâm. Bị cáo khai biết việc làm của bị

cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bắt chấp pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi vi phạm pháp luật hình sự của bị cáo nhằm giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Song khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét bị cáo T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có khắc phục hậu quả cho bị hại, gia đình bị cáo có ông nội là Liệt sỹ, nên được coi đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Vật chứng thu giữ gồm một cây kéo lưỡi bằng kim loại màu đen, mũi nhọn, tổng chiều dài cây kéo 25cm, trong đó phần lưỡi kéo dài 13cm, cán kéo bên trái có chữ “kéo thép”, “Kim Long”, cán kéo bên phải có chữ “kéo thép 100%”, “cơ sở Tông Oanh” màu cam, cây kéo đã qua sử dụng. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu, tiêu hủy là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt này là tương xứng tính chất và mức độ nguy hiểm cho hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận. Riêng hành vi của Nguyễn Hà Thanh T, Phước Khánh D, Nguyễn Văn Nh cơ quan điều tra không chứng minh được tội phạm nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự.

[4] Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại cho rằng có đồng phạm trong vụ án là chưa có đủ cơ sở. Bởi lẽ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đã thể hiện đầy đủ rõ ràng vai trò của T và D, Nh, không có hành vi nào thể hiện vai trò giúp sức của T và D. Nội dung trong USB không chứng minh vai trò chủ mưu của anh Nh mà cơ quan Điều tra đã làm rõ.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị Kiều T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Thị Kiều T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Tr giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận thỏa thuận của bị hại Trần Thị H và bị cáo Nguyễn Thị Kiều T về số tiền bồi thường chi phí điều trị vết thương, tiền ngày công lao động của người bị hại và người chăm sóc người bị hại trong thời gian điều trị vết thương với tổng số tiền 24.457.000 đồng và đã thực hiện xong. Áp dụng điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Thị Kiều T phải bồi thường cho bị hại tiền tổn thất tinh thần là 14.900.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chưa thi hành với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu, tiêu hủy một cây kéo lưỡi bằng kim loại màu đen, mũi nhọn, tổng chiều dài cây kéo 25cm, trong đó phần lưỡi kéo dài 13cm, cán kéo bên trái có chữ “kéo thép”, “Kim Long”, cán kéo bên phải có chữ “kéo thép 100%”, “cơ sở Tông Oanh” màu cam, cây kéo đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng điểm a và điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 745.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện.Duyên Hải;
- Chi cục THADS huyện Duyên Hải;
- THAHS Công an huyện Duyên Hải;
- CQĐT Công an huyện Duyên Hải;
- Bị cáo;
- UBND xã L;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Bá Thi

